




	CTIC VIETNAM CO., LTD	Doc ID: R.03	
	QUY ĐỊNH SỬ DỤNG DẤU, GIẤY CHỨNG NHẬN USING MARKS AND CERTIFICATES REGULATION		Version: 2.1
			Effective date: 25/7/2025


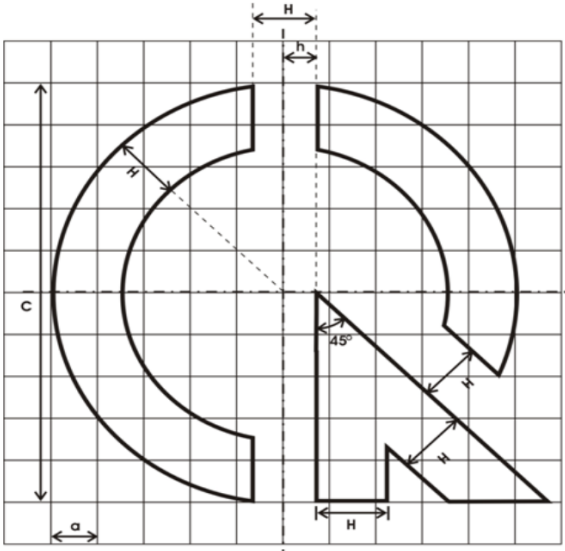

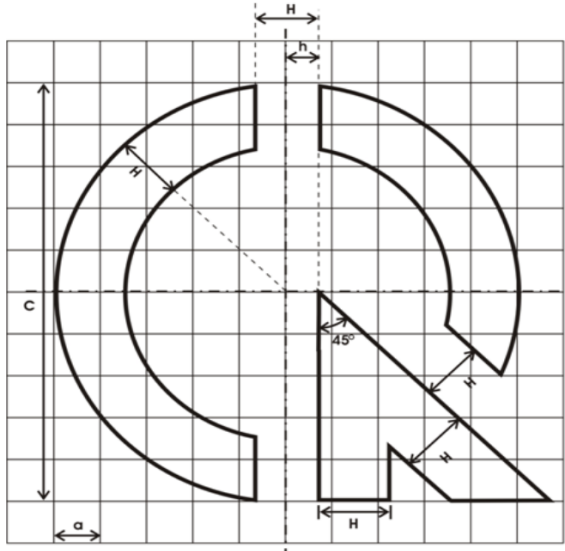
	Người lập/ <i>Prepared by</i>	Người kiểm tra/ <i>Checked by</i>	Người duyệt/ <i>Approved by</i>
Ký tên/ <i>Signature</i>			
Họ tên / <i>Full name</i>	Vũ Anh Tuấn	Nguyễn Thị Quỳnh	He Yong
Ngày/ <i>Date</i>	24.7.2025	24.7.2025	25.7.2025



DOCUMENT REVISION LOG / THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU



Revision times/ <i>lần sửa đổi</i>	Revision item/ <i>Mục sửa đổi</i>	Revision content / <i>Nội dung sửa đổi</i>	Revision date/ <i>ngày sửa đổi</i>
1.1	1. Phạm vi/ <i>Scope</i>	<p>- Sửa đổi, bổ sung, tích hợp các yêu cầu phù hợp với hoạt động chứng nhận sản phẩm/ <i>Modify, supplement, and integrate requirements in accordance with product certification activities.</i></p> <p>- Bổ sung quy định cách thức sử dụng dấu và giấy chứng nhận đối với các đơn vị được CTIC VIETNAM chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và chứng nhận sản phẩm/ <i>Supplement regulations on the use of marks and certificates for entities certified by CTIC VIETNAM for quality management systems and product certification.</i></p>	21/09/2024
1.1	2. Tài liệu viện dẫn/ <i>Reference documents</i>	<p>Bổ sung/ <i>Additional:</i> TCVN IEC/ISO 17065:2013/ <i>ISO/EC 17065:2012</i> TCVN ISO/EC 17030:2023/ <i>ISO/EC 17030:2023</i> Thông tư 02/2017/TT-BKHCHN/ <i>Circular No. 02/2017/TT-BKHCHN</i> Nghị định 43/2017/NĐ-CP/ <i>Decree No. 43/2017/NĐ-CP</i> Nghị định 80/2013NĐ-CP/ <i>Decree No. 80/13NĐ-CP</i></p>	21/09/2024
1.2	4.2.1 4.2.2	- Bổ sung mới 4.2.1, 4.2.2/ <i>Addition of new clause 4.2.1, 4.2.2</i>	09.6.2025
1.2	4.3.1 4.3.2	- Sửa đổi bổ sung yêu cầu khách hàng về việc sử dụng tuyên bố về chứng nhận hệ thống quản lý trên bao bì sản phẩm hoặc thông tin đính kèm sản phẩm/ <i>Modify,</i>	09.6.2025

		<i>supplement to customer requirements regarding the use of management system certification statements on product packaging or accompanying product information</i>	
02	Toàn bộ	Ban hành lại áp dụng thêm cho hoạt động thẩm tra khí nhà kính/ <i>Reissued to be application for GHG verification activities</i>	21/06/2025
2.1	4.4	Bổ sung dấu thẩm tra khí nhà kính/ <i>Addition of Verification Mark</i>	25/7/2025

1. Phạm vi	1. Scope
Quy định cách thức sử dụng dấu chứng nhận, viện dẫn, tuyên bố và giấy chứng nhận đối với các tổ chức được CTIC VIETNAM cấp chứng nhận hệ thống quản lý, chứng nhận sản phẩm và thẩm tra khí nhà kính.	Regulations on the use of certification marks, references, statement and certificates for organizations certified by CTIC VIETNAM for management systems, product certification, and greenhouse gas verification.
2. Tài liệu viện dẫn	2. Reference documents
TCVN ISO/IEC 17021-1:2015 TCVN ISO/IEC 17030:2011 TCVN IEC/ISO 17065:2013 TCVN ISO/EC 17030:2023 TCVN ISO/EC 17029:2019 Thông tư 02/2017/TT-BKHHCN Nghị định 43/2017/NĐ-CP Nghị định 80/2013NĐ-CP	ISO/IEC 17021-1:2015 ISO/IEC 17030:2011 ISO/EC 17065:2012 ISO/EC 17030:2023 ISO/EC 17029:2019 Circular No. 02/2017/TT-BKHHCN Decree No. 43/2017/NĐ-CP Decree No. 80/13NĐ-CP
3. Định nghĩa và từ viết tắt	3. Definitions and Abbreviations
<p>3.1. CTIC VIETNAM: Công ty TNHH CTIC VIETNAM</p> <p>3.2. QMR: Đại diện lãnh đạo về chất lượng</p> <p>3.3. QA: đảm bảo chất lượng</p> <p>3.4. Thuật ngữ “Thẩm tra” và “Thẩm định”: Trong phạm vi quy trình, thuật ngữ thẩm tra được hiểu là bao gồm cả hoạt động thẩm định và thẩm tra. Trường hợp cần phân định rõ từng hoạt động, thuật ngữ thẩm định sẽ được sử dụng riêng biệt để chỉ nội dung phù hợp</p> <p>3.5. Viện dẫn dạng ngắn: Xác nhận kết quả thẩm tra</p> <p>3.6. Viện dẫn dạng dài: Bao gồm ngày tháng tuyên bố thẩm tra, tổ chức thực hiện thẩm tra khí nhà kính và ý kiến thẩm tra.</p>	<p>3.1. CTIC VIETNAM: CTIC VIETNAM Co., LTD</p> <p>3.2. QMR: quality manager representative</p> <p>3.3. QA: Quality Assurance</p> <p>3.4. Terminology: "Verification" and "Validation": For the purpose of this procedure, the term verification refers to both validation and verification activities. Where a distinction is required, validation will be referred to separately for clarity..</p> <p>3.5 Short-form reference: Verification result confirmation</p> <p>3.6 Long-form reference: Includes the date of the verification statement, the GHG verification body conducting the verification, and the verification opinion</p>
4. Nội dung	4. Content
4.1. Quy định chung	4.1. General
<p>CTIC VIETNAM kiểm soát việc sử dụng dấu hiệu và giấy chứng nhận, tuyên bố thẩm tra khí nhà kính đã cấp cho khách hàng.</p> <p>Khách hàng tuân thủ đúng quy định về sử dụng dấu hiệu và giấy chứng nhận, tuyên bố thẩm tra khí nhà kính theo tài liệu này.</p>	<p>CTIC VIETNAM controls the use of its marks and issued certificates, GHG verification statements by clients.</p> <p>The Customer strictly complies with the regulations on the use of marks and certificates, GHG verification statements in accordance with this document.</p>

<p>4.2. Dấu chứng nhận sản phẩm</p>	<p>4.2. Product Certification Mark</p>
<p>4.2.1. Dấu chứng nhận hợp quy</p>	<p>4.2.1. Certification of Technical Conformity Mark</p>
<p>Dấu chứng nhận hợp quy sản phẩm do CTIC VIETNAM cấp cho khách hàng được thể hiện như hình dưới đây:</p>  <p>Hình 01: Hình dạng của dấu chứng nhận hợp quy của CTIC VIETNAM</p> <p>Dấu chứng nhận hợp quy chia làm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bên phải là dấu hợp quy: hình dạng và kích thước được quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học Công nghệ; + Bên trái là dấu hiệu nhận biết và biểu tượng logo của CTIC VIETNAM + Phía dưới là quy chuẩn áp dụng và mã số chứng nhận. <p>Kích thước cơ bản để thiết kế dấu hợp quy quy định tại Hình 02.</p> 	<p>The product conformity certification mark issued by CTIC VIETNAM to clients is depicted as shown in the figure below:</p>  <p>Figure 01: Design of the cCertification of conformity mark by CTIC VIETNAM</p> <p>The certification of conformity mark consists of three parts:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Right side: The conformity mark, with shape and dimensions specified in Appendix I of Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated December 12, 2012, issued by the Ministry of Science and Technology. + Left side: The identifying mark and logo of CTIC VIETNAM. + Bottom: The applicable standard and the certification number. <p>The basic dimensions for designing the conformity mark are defined in Figure 02.</p> 

<p>* Chú thích:</p> <p>H = 1,5 a</p> <p>h = 0,5 H</p> <p>C = 7,5 H</p> <p>Hình 2: Kích thước cơ bản của dấu hợp quy</p>	<p>* Notes:</p> <p>H=1.5a</p> <p>h=0.5H</p> <p>C=7.5H</p> <p>Figure 02: Basic Dimensions of the Conformity Mark</p>
<p>4.2.2. Dấu chứng nhận hợp chuẩn</p>	<p>4.2.2. Certification of Standard Conformity Mark</p>
<p>Dấu chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm do CTIC VIETNAM cấp cho khách hàng được thể hiện như Hình dưới đây:</p>  <p>Hình 03: Hình dạng của dấu chứng nhận hợp chuẩn của CTIC VIETNAM</p> <p>Dấu chứng nhận hợp quy chia làm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bên phải là logo biểu tượng hợp chuẩn của CTIC VIETNAM. + Bên trái là dấu hiệu nhận biết và biểu tượng logo của CTIC VIETNAM + Phía dưới là tiêu chuẩn được chứng nhận và mã số chứng nhận. 	<p>The product standard conformity certification mark issued by CTIC VIETNAM to clients is depicted as shown in the figure below:</p>  <p>Figure 03: Design of the Standard Conformity Certification Mark by CTIC VIETNAM</p> <p>The standard conformity certification mark consists of three parts:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Right side: The standard conformity logo of CTIC VIETNAM. + Left side: The identifying mark and logo of CTIC VIETNAM. + Bottom: The certified standard and the certification number.
<p>4.2.3. Quy tắc sử dụng dấu chứng nhận sản phẩm</p>	<p>4.2.3. Rules for the use of product certification marks</p>
<p>Sử dụng dấu chứng nhận sản phẩm này theo tỉ lệ tương ứng theo mẫu trên giấy chứng nhận và theo bản thiết kế mẫu dấu gửi kèm khi được cấp chứng nhận.</p> <p>Dấu chứng nhận sản phẩm được sử dụng trực tiếp trên sản phẩm, hàng hóa hoặc trên bao bì hoặc trong tài liệu kỹ thuật hoặc trên nhãn gắn trên sản phẩm, hàng hóa ở vị trí dễ thấy, dễ đọc</p>	<p>Use this product certification mark in proportion to the sample on the certificate and according to the design of the marks attached when the certificate is issued.</p> <p>The product certification mark may be affixed directly to the product or goods, their packaging, the technical documentation, or on a label attached to the product or goods, in a position that is clearly visible and easily readable.</p>

<p>Dấu dấu chứng nhận sản phẩm được sử dụng phải có màu sắc đúng màu đã cấp hoặc sử dụng phiên bản màu đen.</p> <p>Dấu dấu chứng nhận sản phẩm có thể được phóng to, thu nhỏ nhưng phải đảm bảo đúng tỉ lệ, đủ lớn để phần chữ có thể đọc được rõ ràng.</p> <p>Dấu dấu chứng nhận sản phẩm có phải bảo đảm không dễ tẩy xóa và không thể bóc ra gắn lại</p>	<p>The certification mark used must be in the correct color of the issued color or use a black version.</p> <p>The certification mark can be enlarged or reduced, but must ensure the correct ratio, large enough for the text to be readable clearly.</p> <p>The product certification mark must be resistant to erasure and must not be removable and reattachable.</p>
<p>4.3. Quy định về sử dụng Dấu chứng nhận hệ thống quản lý</p>	<p>4.3. Regulations on the Use of Conformity Marks</p>
<p>4.3.1. Dấu chứng nhận hệ thống quản lý</p>	<p>4.3.1. Certification of Management System Mark</p>
<div style="text-align: center;">  </div> <p>Code ISO: tương ứng với hệ thống quản lý được chứng nhận</p>	<div style="text-align: center;">  </div> <p>ISO Code: associated with the certified management system</p>
<p>4.3.2. Dấu chứng nhận hệ thống quản lý được sử dụng trong trường hợp</p>	<p>4.3.2. Rules for the use of management system certification marks</p>
<p>Khách hàng được sử dụng dấu chứng nhận đối với phạm vi (địa điểm, lĩnh vực) đã được chứng nhận để tuyên truyền, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên các tài liệu giới thiệu, tài liệu giao dịch của khách hàng (quảng cáo, thư).</p> <p>Tuyên bố phải bao gồm viện dẫn đến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dấu hiệu nhận biết (ví dụ nhãn hiệu hoặc tên) khách hàng được chứng nhận - Loại hệ thống quản lý (ví dụ chất lượng, môi trường) và tiêu chuẩn áp dụng - Tổ chức cấp giấy chứng nhận <p><i>Ví dụ: Công ty TNHH ABC có hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015, được chứng nhận bởi CTIC VIETNAM.</i></p>	<p>Customers are allowed to use the certification mark for the certified scope (place, field) to propagate and advertise on the mass media and on the introduction and transaction documents of mark of customers (advertisement, mail).</p> <p>The claims shall include reference to:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Identification (e.g. brand or name) of the certified client - Type of management system (e.g. quality, environmental) and applicable standard - Certification body <p><i>Ex: ABC Co., Ltd. has a quality management system in accordance with ISO 9001:2015, certified by CTIC VIETNAM.</i></p>
<p>4.3.3. Dấu chứng nhận hệ thống quản lý không được sử dụng trong trường hợp</p>	<p>4.3.3. Prohibited Uses of management system certification marks</p>
<p>Không được sử dụng dấu trong báo cáo kết quả thử nghiệm, giấy chứng nhận hiệu chuẩn hoặc báo cáo kết quả hay chứng thư giám định.</p>	<p>The mark shall not be used in the test report, calibration certificate or result report or inspection certificate.</p>

<p>Không đưa ra hoặc không cho phép tuyên bố sai lệch về chứng nhận của mình;</p> <p>Không sử dụng hoặc cho phép sử dụng tài liệu chứng nhận hoặc bất cứ phần nào trong tài liệu chứng nhận theo cách sai lệch;</p> <p>Ngay khi hủy bỏ chứng nhận, ngừng sử dụng tất cả các hình thức quảng cáo có đề cập đến chứng nhận, theo chỉ dẫn của tổ chức chứng nhận;</p> <p>Sửa đổi tất cả các nội dung quảng cáo khi phạm vi chứng nhận đã bị thu hẹp;</p> <p>Tuyên bố trên bao bì sản phẩm hoặc thông tin kèm theo của sản phẩm không cho phép sử dụng theo cách hàm ý rằng sản phẩm, quá trình hoặc dịch vụ được chứng nhận.</p> <p>Không được hàm ý là chứng nhận áp dụng cho các hoạt động và địa điểm nằm ngoài phạm vi chứng nhận;</p> <p>Dấu chứng nhận không được chuyển nhượng.</p>	<p>Not make or allow false claims about its certification;</p> <p>Not use or permit the use of the certification document or any part of the certification document in a misleading manner;</p> <p>Immediately upon withdrawing of certification, discontinue all forms of advertising that refer to the certification, as directed by the certification body;</p> <p>Modify all advertising when the scope of certification has been narrowed;</p> <p>The claims on product packaging or accompanying product information shall not be used in a way that implies that the product, process or service is certified.</p> <p>Shall not imply that certification applies to activities and locations that are outside the scope of certification;</p> <p>The certification mark is non-transferable.</p>
<p>4.4. Quy định về sử dụng Tuyên bố thẩm tra và dấu tuyên bố</p>	<p>4.4. Requirements for the Use of the Greenhouse Gas Verification statement and mark</p>
<p>4.4.1 Dấu tuyên bố thẩm tra khí nhà kính</p>	<p>4.4.1 Greenhouse Gas Verification Mark</p>
<div data-bbox="379 1153 657 1512" data-label="Image"> </div> <p>Dấu tuyên bố được ban hành bởi CTIC VIETNAM nhằm chỉ ra trạng thái thẩm tra của mình. Việc sử dụng dấu này phải tuân thủ đúng hình thức quy định</p>	<div data-bbox="1024 1153 1302 1512" data-label="Image"> </div> <p>The declaration mark issued by CTIC VIETNAM is intended to indicate its verification status. The use of this mark must comply strictly with the prescribed format.</p>
<p>4.4.2 Quy định sử dụng Tuyên bố thẩm tra và dấu tuyên bố</p>	<p>4.4.2 Regulation on the Use of Verification Statement and Declaration Mark</p>
<p>Việc sử dụng tuyên bố thẩm tra và dấu phải có khả năng truy xuất được tới Tuyên bố thẩm tra đã được CTIC VIETNAM ban hành.</p> <p>Tuyên bố thẩm tra và dấu khi sử dụng không được gây hiểu lầm liên quan đến chứng nhận hệ thống quản lý hoặc chứng nhận sản phẩm</p>	<p>The use of the verification statement and mark must be traceable to the Verification Statement issued by CTIC VIETNAM.</p> <p>The verification statement and mark must not be used in a misleading manner related to management system certification or product certification.</p>

<p>Khách hàng không được sử dụng tuyên bố, báo cáo, nhãn hiệu, logo theo cách có thể gây hiểu lầm cho người dùng và làm ảnh hưởng đến uy tín của CTIC VIETNAM</p> <p>Việc sử dụng tuyên bố thẩm tra và dấu không được ngụ ý, gây hiểu lầm đến các <i>đối tượng không được thẩm tra</i> là đã thẩm tra.</p> <p>Khách hàng phải chấm dứt việc sử dụng Tuyên bố thẩm tra và dấu trong các trường hợp hủy bỏ hiệu lực hoặc trong thời gian xem xét lại</p> <p>Khi sử dụng các tuyên bố được trích dẫn từ tuyên bố thẩm tra và dấu, Khách hàng phải nêu rõ nguồn gốc ý kiến và dấu tuyên bố đó bao gồm: ngày tuyên bố, tên tổ chức thẩm tra, các tuyên bố phải phù hợp với các bằng chứng liên quan hoặc thông tin được trình bày trong tuyên bố đã được cấp</p> <p><i>VD: Theo báo cáo kiểm kê khí nhà kính của chúng tôi ngày dd/mm/yyyy, CTIC VIETNAM đã kết luận với mức độ đảm bảo hợp lý rằng dữ liệu và thông tin kiểm kê khí nhà kính trong báo cáo của chúng tôi đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý</i></p>	<p>Clients shall not use the statement, report, label, or logo in any way that could mislead users or damage the reputation of CTIC VIETNAM.</p> <p>The use of the verification statement and mark shall not imply or mislead others into believing that unverified subjects have been verified.</p> <p>Clients must cease the use of the Verification Statement and mark in cases of revocation or during the period of review.</p> <p>When quoting statements from the Verification Statement and using the verification mark, clients must clearly state the source of the opinion and the mark, including: the date of the statement, name of the verification body, and ensure that such statements are consistent with the supporting evidence or information presented in the issued statement.</p> <p><i>Ex: According to our greenhouse gas inventory report dated dd/mm/yyyy, CTIC VIETNAM has concluded, with a reasonable level of assurance, that the greenhouse gas data and information presented in our report have been fairly and accurately stated.</i></p>
<p>4.5. Xử lý vi phạm</p>	<p>4.5. Handling violations</p>
<p>Tùy theo mức độ vi phạm sử dụng giấy và dấu chứng nhận thì CTIC VIETNAM sẽ nhắc nhở, đình chỉ hoặc hủy bỏ việc chứng nhận và thu hồi giấy và dấu chứng nhận đã cấp.</p> <p>CTIC VIETNAM thông báo việc hủy bỏ chứng nhận và dấu chứng nhận cho các tổ chức được chứng nhận vi phạm quy định trên thông tin đại chúng và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>Bất kỳ tổ chức nào sử dụng giấy chứng nhận hoặc dấu chứng nhận của CTIC VIETNAM một cách bất hợp pháp đều bị báo cáo để xử lý theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Depending on the seriousness of the violation, CTIC VIETNAM will remind, suspend or withdraw the certification and revoke the issued certificate and mark.</p> <p>CTIC VIETNAM notifies the withdrawal of certification marks and certificates to certified organizations that violate regulations on the mass media and reports to competent state management agencies.</p> <p>Any organization that illegally uses the certificate or certification mark of CTIC VIETNAM will be reported to be handled in accordance with the law.</p>